TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 3 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm

2. Ông Trương Phước Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1027/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp LH2, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Thái Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp AN, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T do quen biết, tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKn, huyện CM, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ từ việc mua bán hải sản dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói

chung và sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân, hai bên gia đình có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị V và anh T nhưng không thành; bản thân chị V và anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng vì chị V cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị V và anh T không hạnh phúc. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị V và anh T có 03 con chung tên Thái Thị Tường V1, sinh ngày 29/6/2004; Thái Thanh T1, sinh ngày 02/12/2009 và Thái Thành N, sinh ngày 12/10/2015; hiện nay các con chung do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Thái Thanh T1 và Thái Thành N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Thái Thị Tường V1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Thái Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về mặt tiền bạc do làm ăn thua lỗ, anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm vợ con, không phụ giúp chị V chăm lo cho gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị V và anh T nhưng không được; bản thân chị V có cho anh T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Do đó, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân, chị V yêu cầu được ly hôn với anh T; về con chung, chị V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Thái Thanh T1 và Thái Thành N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung tên Thái Thị Tường V1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Thái Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V. Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Hồng V được ly hôn với anh

Thái Văn T. Chị Nguyễn Thị Hồng V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Thái Thanh T1, sinh ngày 02/12/2009 và Thái Thành N, sinh ngày 12/10/2015; anh Thái Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về con chung tên Thái Thị Tường V1, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Thái Văn T, yêu cầu được tiếp tục chăm, sóc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Thái Văn T (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp AN, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với anh Thái Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Đồng thời, tại phiên tòa, anh Thái Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thái Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng V cho rằng, chị V và anh T do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang vào ngày 25/3/2004. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về mặt tiền bạc do làm ăn thua lỗ, anh T thường xuyên uống rượu và không phụ giúp chị V chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn trở nên gay gắt từ năm 2018 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị V và anh T nhưng không được; bản thân chị V có cho anh T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu ly hôn với anh T.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Thái Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Thái Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị V theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa

án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị V và anh T theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được và vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa xét xử vụ án, thể hiện anh Thái Văn T không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T nên lời trình bày của chị V về tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T là có cơ sở chấp nhận. Nói cách khác, đã có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị V yêu cầu ly hôn anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng V xác định chị V và anh T có có 03 con chung tên Thái Thị Tường V1, sinh ngày 29/6/2004; Thái Thanh T1, sinh ngày 02/12/2009 và Thái Thành N, sinh ngày 12/10/2015; hiện nay các con chung chưa thành niên là Thái Thanh T1 và Thái Thành N do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Thái Thị Tường V1 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi chị V và anh T ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị V, từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung sinh sống với chị V cho đến nay nên tình cảm của các cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với chị V, các con chung vẫn phát triển bình thường. Đồng thời, các con chung đều có nguyện vọng được sống với chị V. Để ổn định cuộc sống cho cháu Thái Thanh T1 và cháu Thái Thành N, giúp các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Đối với con chung tên Thái Thị Tường V1, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị V và anh T ly hôn nên anh Thái Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Nguyễn Thị Hồng V không yêu cầu anh Thái Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng V được ly hôn anh Thái Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 25/3/2004 do Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Thái Văn T không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Thái Thanh T1, sinh ngày 02/12/2009 và Thái Thành N, sinh ngày 12/10/2015. Hiện nay đang sống với chị Nguyễn Thị Hồng V.

Anh Thái Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Hồng V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Thái Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0013092 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang